

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HN-ST

Ngày: 09-8-2018

Về việc “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 04-5-2018 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Cao Thị Ngọc T, sinh năm 1980; cư trú: số 2/7F, ấp T1, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974; cư trú: số 216, khóm A, thị trấn B, huyện T3, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, chị Cao Thị Ngọc T trình bày: anh chị kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1996. Đến năm 2010, anh Nguyễn Văn T2 thường xuyên say xỉn, đánh đập vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên, nhắc nhở nhằm giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh T2 vẫn không thay đổi làm cho gia đình thường xảy ra mâu thuẫn ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và việc học hành của con cái dẫn đến việc anh chị đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị cảm thấy không thể nào chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Quá trình chung sống, anh chị có với nhau 02 con chung là anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1997 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 30-3-2006. Chị yêu

cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Bị đơn, anh Nguyễn Văn T2 không có các ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Cao Thị Ngọc T nhưng anh thống nhất với trình bày của chị T về tài sản chung, nợ chung và đồng ý ly hôn, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị Cao Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn T2 là bị đơn, có nơi cư trú tại thị trấn B, huyện T3, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa và do các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Cao Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1996 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị Cao Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T2 đã vun đắp, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc và anh chị đã có với nhau 02 con chung là anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1997 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 30-3-2006. Tuy nhiên, đến năm 2010, do anh Nguyễn Văn T2 sa vào tệ nạn nhậu, bạo hành vợ con đã làm cho mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạnh phúc gia đình đến nỗi anh chị đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình và đến nay, chị Cao Thị Ngọc T quyết định ly hôn và anh Nguyễn Văn T2 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T đã cho thấy mục đích của hôn nhân của anh chị không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định

chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Ngọc T về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh chị có với nhau 02 con chung là anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1997 và cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 30-3-2006; tuy nhiên theo xác nhận của chị T, anh Nguyễn Văn T4 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giao anh T4 cho chị T, anh T2 nuôi dưỡng; riêng với cháu Nguyễn Văn C, trong suốt thời gian ly thân, cháu C được chị Cao Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng nên xét về điều kiện chăm sóc, điều kiện phát triển tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho chị Cao Thị Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và do chị Cao Thị Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Nguyễn Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: theo chị Cao Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T2, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Cao Thị Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 30-3-2006 cho chị Cao Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T2 có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Cao Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018418 ngày 04-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng